TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BM
TỈNH VL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2022
"V/v T/c ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BM, TỈNH VL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà N T L T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông L P H;

Ông S M.

- Thư ký phiên tòa: Bà B T H T – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BM xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 133/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02/6/2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị L T D, sinh năm 1989 – Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 29, ấp TTA, xã T A, thị xã BM, tỉnh VL.

- *Bị đơn:* Anh B P D, sinh năm 1988 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 29, ấp TTA, xã T A, thị xã BM, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2021 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 29/11/2021, nguyên đơn chị L T D trình bày: Vào năm 2007, chị D và anh B P D tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 106, ngày 07 tháng 8 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T A, huyện BM BM, tỉnh VL (Nay là thị xã BM). Trong quá trình chung sống giữa chị D và anh D có hai người con chung tên: Bùi D

Khang, sinh ngày 04/7/2006; Bùi D Tân, sinh ngày 26/01/2015. Chị D và anh D không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Chị D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Đồng thời chị D nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã BM giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn anh B P D, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 29, ấp TTA, xã T A, thị xã BM, tỉnh VL.

- Về con chung: Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên: Bùi D Tân, sinh ngày 26/01/2015, chị D không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung tên Bùi D Khang, sinh ngày 04/7/2006 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và chị D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do bận đi làm không đến theo giấy triệu tập của Tòa án được nên chị D xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm, đồng thời chị D cam kết không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

* Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 29 tháng 11 năm 2021 và ngày 19 tháng 01 năm 2022 nhưng anh B P D vắng mặt không lý do.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn: Xin vắng mặt.

- Bị đơn: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn có đăng ký thường trú tại thị xã BM (Theo xác nhận đề ngày 17/5/2021 của Công an xã T A), nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BM theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị L T D có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt nên phiên Tòa hôn nhân sơ thẩm được tiến hành vào ngày 15/3/2022 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh B P D được Tòa án triệu tập tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 29 tháng 11 năm 2021 và ngày 19 tháng 01 năm 2022 nhưng anh D vắng mặt không lý do. Anh B P D được

Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa hôn nhân sơ thẩm lần 1 vào ngày 28 tháng 02 năm 2022 nhưng anh D vắng mặt không có lý do nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST/HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2022 và ấn định ngày mở phiên tòa lần 2 vào ngày 15 tháng 3 năm 2022 nhưng anh B P D vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nên phiên Tòa hôn nhân sơ thẩm được tiến hành vào ngày 15 tháng 3 năm 2022 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị L T D và anh B P D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của chị D và anh D thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm và thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L T D là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 9 và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L T D và anh B P D có hai người con chung tên: Bùi D Khang, sinh ngày 04/7/2006 và Bùi D Tân, sinh ngày 26/01/2015.

Xét yêu cầu của chị D được trực tiếp nuôi con chung tên: Bùi D Tân, sinh ngày 26/01/2015, chị D không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con và giao con chung tên Bùi D Khang, sinh ngày 04/7/2006 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến của bé Bùi D Khang tại bản tự khai đề ngày 17/5/2021 có nguyện vọng được sống chung với anh B P D.

Hội đồng xét xử nhận định như sau: Để đảm bảo cho việc phát triển về thể chất, tinh thần của bé Bùi D Khang và Bùi D Tân, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L T D:

- Giao bé Bùi D Tân, sinh ngày 26/01/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, anh D không cấp dưỡng nuôi con. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Giao bé Bùi D Khang, sinh ngày 04/7/2006 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, chị D không cấp dưỡng nuôi con. Chị D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L T D và anh B P D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị L T D là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39,147, 177 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 9, Điều 19, Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L T D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L T D được ly hôn với anh B P D.

2. Về con chung:

- Giao bé Bùi D Tân, sinh ngày 26/01/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, anh D không cấp dưỡng nuôi con. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Giao bé Bùi D Khang, sinh ngày 04/7/2006 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, chị D không cấp dưỡng nuôi con. Chị D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị L T D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị D được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010864, ngày 31/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BM. Vậy chị D đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản

án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- Ủy ban nhân dân xã T A: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

N T L T